

Đề Giữa Kỳ	word form	Đề Đề Kỳ
achievement	n	thành tích
talent	n	tài năng
professor	n	giáo sư
forgetful > mindful	n	
humble	adj	khiêm tốn
ordinary	adj	bình thường
hold off on	v	hoãn
delay	v	trì hoãn
checkpoint	n	trạm kiểm soát
achieve	v	đạt được
achievement	n	thành tựu
take advantage (of)	v	tận dụng lợi thế của)
generosity	v	sự hào phóng
overload = overwhelm		quá tải
switch off	n	tắt, (switch off your mind) gạt bỏ
severe	v	dữ dội
asthma	n	hen suyễn
terminate	v	chấm dứt.
dispose	v	vứt bỏ.
legal	a	hợp pháp
illegal	a	không hợp lệ
beneficial	a	có lợi
harm	v	làm hại
frequent	adj	thường xuyên
frequency	n	tần số
engage in	v	tham gia vào
in contrast	conj	ngược lại
otherwise	conj	Nếu không thì
therefore	conj	vì thế
in addition	conj	thêm vào đó
dweller	n	cư dân
compare with	v	so sánh với
sustainable	adj	bền vững
unsustainable	adj	không bền vững
segment	n	phân khúc.
rather than		thay vì
decamped	v (v2)	rời đi (đột ngột)
widespread	adj	phổ biến rộng rãi
exceptional	adj	đặc biệt
uncommon	adj	không phổ biến
customary	adj	phong tục
satisfied with	adj	hài lòng với
dissatisfied with	adj	không hài lòng với
play an important role		đóng một vai trò quan trọng
It's no use + Ving		Không có ích gì + Ving
It's not worth + Ving		Nó không đáng giá + Ving
There's no point (in) + Ving		Không có điểm nào (trong) + Ving

Đề Giữa Kỳ	word form	Đề Đề Kỳ
achievement	n	
talent	n	
professor	n	
forgetful > mindful	n	
humble	adj	
ordinary	adj	
hold off on	v	
delay	v	
checkpoint	n	
achieve	v	
achievement	n	
take advantage (of)	v	
generosity	v	
overload = overwhelm		
switch off	n	
severe	v	
asthma	n	
terminate	v	
dispose	v	
legal	a	
illegal	a	
beneficial	a	
harm	v	
frequent	adj	
frequency	n	
engage in	v	
in contrast	conj	
otherwise	conj	
therefore	conj	
in addition	conj	
dweller	n	
compare with	v	
sustainable	adj	
unsustainable	adj	
segment	n	
rather than		
decamped	v (v2)	
widespread	adj	
exceptional	adj	
uncommon	adj	
customary	adj	
satisfied with	adj	
dissatisfied with	adj	
play an important role		
It's no use + Ving		
It's not worth + Ving		
There's no point (in) + Ving		

Đề Giữa Kỳ	word form	Đề Đề Kỳ
	n	thành tích
	n	tài năng
	n	giáo sư
	n	
	adj	khiêm tốn
	adj	bình thường
	v	hoãn
	v	trì hoãn
	n	trạm kiểm soát
	v	đạt được
	n	thành tựu
	v	tận dụng lợi thế của)
	v	sự hào phóng
		quá tải
	n	tắt, (switch off your mind) gạt bỏ
	v	dữ dội
	n	hen suyễn
	v	chấm dứt.
	v	vứt bỏ.
	a	hợp pháp
	a	không hợp lệ
	a	có lợi
	v	làm hại
	adj	thường xuyên
	n	tần số
	v	tham gia vào
	conj	ngược lại
	conj	Nếu không thì
	conj	vì thế
	conj	thêm vào đó
	n	cư dân
	v	so sánh với
	adj	bền vững
	adj	không bền vững
	n	phân khúc.
		thay vì
	v (v2)	rời đi (đột ngột)
	adj	phổ biến rộng rãi
	adj	đặc biệt
	adj	không phổ biến
	adj	phong tục
	adj	hài lòng với
	adj	không hài lòng với
		đóng một vai trò quan trọng
		Không có ích gì + Ving
		Nó không đáng giá + Ving
		Không có điểm nào (trong) + Ving